

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ BIỆN PHÁP CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	4
1.1. Khái niệm biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	4
1.1.1. Khái niệm	4
1.1.2. Điều kiện áp dụng	4
1.1.3. Nguyên tắc áp dụng	5
1.1.4. Trình tự thủ tục áp dụng	8
1.2. Quy định pháp luật hiện hành về biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	9
1.2.1. Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án	10
1.2.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	11
1.2.3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ	11
1.2.4. Khai thác tài sản của người phải thi hành án	13
1.2.5. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định	14
1.2.6. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ	14
II. THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	16
2.1. Thực tiễn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	16
2.1.1. Khó khăn trong việc áp dụng biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án	17
2.1.2. Khó khăn trong việc áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án ..	19
2.1.3. Khó khăn khi kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ	20
2.1.4. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ	24
2.1.5. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định	26
2.2. Nguyên nhân vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự	27
2.2.1. Nguyên nhân vướng mắc việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế	27

2.2.2. Một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng cưỡng chế thi hành án dân sự.....	29
KẾT LUẬN.....	32

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thi hành án dân sự là một trong những hoạt động quan trọng của Nhà nước trong việc đưa các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền ra thi hành trên thực tế. Hoạt động thi hành án một mặt đảm bảo cho quyền lực tư pháp được thực thi trên thực tế. Mặt khác, nó còn là công cụ hữu hiệu để khôi phục lại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân bị xâm hại. Hiệu quả của hoạt động thi hành án có tác động trực tiếp đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay, không phải bản án, quyết định có hiệu lực nào của cơ quan có thẩm quyền cũng có thể được tổ chức thi hành một cách thuận lợi. Do đó, các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự được sử dụng.

Cưỡng chế thi hành án dân sự là hoạt động thường xuyên được thực hiện trong công tác thi hành án dân sự. Áp dụng khi các bản án, quyết định không được tự nguyện thi hành. Hiệu quả hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công tác thi hành án.

Nhận thấy tầm quan trọng của các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, Nhà nước đã quan tâm và xây dựng khung pháp lý cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế như xây dựng Luật thi hành án dân sự 2008 với quy định riêng chương IV, từ Điều 66 đến Điều 121 quy định về biện pháp cưỡng chế. Việc cưỡng chế thi hành án còn được cụ thể hơn trong nghị định 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự 2008 về thủ tục thi hành án dân sự và Nghị định 125/NĐ-CP ngày 14/10/2013 sửa đổi bổ sung một số điều nghị định 58/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thi hành án dân sự. Nghị định 166/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BTP-BCA quy định cụ thể phối hợp bảo vệ cưỡng chế trong thi hành án dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, người có thẩm quyền thi hành án vẫn gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Số việc chưa thi hành chiếm tỷ lệ cao: năm 2010 chiếm 42,91%, năm 2011 chiếm 39,93%, năm 2012 chiếm 38,51% năm 2013 chiếm 32,67%, năm 2014 chiếm 31,85%. Số tiền thi hành án chưa thi hành còn rất lớn năm 2010 chiếm 72,96%, năm 2011 chiếm 71,29%, năm 2012 chiếm 76,07%, năm 2013 chiếm 58,95%, năm 2014 chiếm 59,02%.

Mặt khác, hoạt động cưỡng chế thi hành án tác động sâu rộng đến các quan hệ xã hội của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong bản án. Do đó, vấn đề cưỡng chế tài sản của người phải thi hành án phải được nghiên cứu kỹ lưỡng để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của đương sự.

Trước tình hình đó, tác giả quyết định lựa chọn đề tài “*Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự*” làm đề tài tiểu luận tốt nghiệp. Đây là một vấn đề cấp thiết có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với lĩnh vực thi hành án dân sự. Việc nghiên cứu kỹ biện pháp cưỡng chế giúp đem lại quyền và lợi ích thực tế cho cá nhân, tổ chức, góp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa công bằng, văn minh.

2. Phạm vi nghiên cứu

Biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự là chế định rộng bao gồm nhiều quy định về các biện pháp cưỡng chế cụ thể. Đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề này, tuy nhiên đa phần các tác giả chỉ nghiên cứu chuyên sâu về một biện pháp nhất định. Do vậy, trong phạm vi của đề tài tác giả trình bày tổng quát quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng của tất cả các biện pháp cưỡng chế trong thời gian từ năm 2010-2014.

3. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những quy định về biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự, tác giả mong muốn có thể làm rõ hơn cơ sở lý luận và chỉ ra những bất cập trong thực tiễn áp dụng ở nước ta những năm gần đây. Từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án dân sự nói chung và hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự nói riêng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận của đề tài là phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, và phép biện chứng Mac-Lênin.

Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu đề tài tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp tổng hợp, thống kê nhằm tổng hợp và thống kê những số liệu từ nhiều nguồn; Phương pháp phân tích, đánh giá nhằm phân tích số liệu, báo cáo tổng kết hàng năm nhằm rút ra những nhận xét, đánh giá cần thiết trong việc nắm bắt tình hình thực tế; Phương pháp so sánh dung cho việc so sánh đối chiếu số

liệu, thông tin thu thập, từ đó rút ra những mặt đã đạt được và chưa đạt được để kịp thời bổ sung, đồng thời xem xét những vướng mắc tìm cách giải quyết.

5. Bố cục

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo nội dung của bài tiểu luận bao gồm 2 phần:

- I. Lý luận chung về biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự
- II. Thực tiễn áp dụng và một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cưỡng chế thi hành án dân sự

I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ BIỆN PHÁP CƯỖNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

1.1.1. Khái niệm

Cưỡng chế Nhà nước là dùng quyền lực Nhà nước bắt buộc cá nhân, tổ chức thực hiện hoặc không thực hiện một công việc nhất định trái với ý muốn của họ. Cưỡng chế gắn liền với hoạt động quản lý Nhà nước và là phương pháp thường xuyên được áp dụng trong quản lý Nhà nước. Cưỡng chế Nhà nước có nhiều lĩnh vực như: Cưỡng chế hành chính, hình sự, dân sự, thi hành án (THA) dân sự...

Luật THA dân sự 2008 không định nghĩa biện pháp cưỡng chế (BPCC) THA dân sự nhưng khoản 2 Điều 9 luật THA dân sự 2008 quy định: *“người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này”*. Theo đó, người phải THA sẽ phải tự nguyện THA khi có điều kiện. Nếu không thực hiện thì người có thẩm quyền THA tiến hành cưỡng chế. Theo pháp luật hiện hành thì người có thẩm quyền trực tiếp thi hành án và áp dụng BPCC bao gồm chấp hành viên và thừa phát lại, sau đây gọi chung là người có thẩm quyền THA.

Như vậy có thể hiểu khái niệm về BPCC THA dân sự là biện pháp cưỡng bức bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền THA do chấp hành viên hoặc thừa phát lại quyết định theo thẩm quyền quy định nhằm buộc người phải THA phải thực hiện những hành vi hoặc nghĩa vụ về tài sản theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, được áp dụng trong trường hợp người phải THA có điều kiện THA mà không tự nguyện thi hành.

1.1.2. Điều kiện áp dụng

Để áp dụng BPCC THA dân sự thì cần phải đáp ứng điều kiện nhất định.

Thứ nhất, người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ theo bản án, quyết định được đưa ra thi hành của Tòa án, quyết định của trọng tài, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc phải nộp phí THA.

Thứ hai, người phải THA có điều kiện THA nhưng không tự nguyện THA và người có thẩm quyền THA đã xác minh và khẳng định là người phải THA có đủ điều kiện THA.

Thứ ba, đã hết thời gian tự nguyện THA mà người THA không tự nguyện THA hoặc chưa hết thời gian tự nguyện hoặc chưa hết thời hạn tự nguyện THA nhưng để ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ THA được quy định tại khoản 2 Điều 45 luật THA dân sự 2008.

Từ những điều kiện trên, cho thấy BPCCTHADA dân sự chỉ được áp dụng khi người phải THA có nghĩa vụ phải thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và có thái độ, hành vi không tự nguyện thi hành mặc dù có điều kiện THA. Có điều kiện THA được hiểu là trường hợp người phải THA có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; Tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ THA¹.

Tuy nhiên, trong quá trình tác nghiệp, người có thẩm quyền THA cần chú ý về việc áp dụng thời hạn tự nguyện THA là 15 ngày kể từ ngày nhận quyết định, thông báo hợp lệ được quy định tại Điều 39, 40, 41, 42 và Điều 45 luật THA dân sự 2008.

1.1.3. Nguyên tắc áp dụng

Xuất phát từ đặc trưng của THADA dân sự là việc tổ chức thi hành bản án, phần quyết định của Tòa án về tài sản hoặc một công việc nhất định, quyết định của trọng tài, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh hoặc phải nộp phí THADA nên đối tượng của cưỡng chế THADA dân sự là tài sản hoặc một công việc nhất định. Điều này hoàn toàn khác biệt so với đặc trưng của THADA hình sự là nhằm hạn chế hoặc tước đoạt quyền và lợi ích của người bị kết án. Chính vì vậy cưỡng chế THADA hình sự mang tính cứng rắn và tuyệt đối còn THADA dân sự mang tính mềm dẻo hơn². Điều này thể hiện ở các nguyên tắc áp dụng các BPCCTHADA dân sự. Khi áp dụng BPCCTHADA dân sự thì cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, chỉ người có thẩm quyền THADA mới có quyền áp dụng BPCCTHADA dân sự và chỉ được áp dụng một trong các BPCCTHADA trong luật THADA dân sự 2008.

Theo pháp luật hiện hành thì chỉ có cơ quan THADA và văn phòng thừa phát lại mới được Nhà nước trao cho quyền tổ chức thi hành các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền và chỉ người có thẩm quyền THADA mới có quyền

¹ Khoản 6 Điều 3 luật THADA dân sự 2008

² Ths. Trần Phương Thảo (2007) “các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự”, Tạp chí luật học số 07/2007 tr 43, 44

quyết định BPC. Ngoài ra các chủ thể khác, bằng sức mạnh của mình, bắt buộc người khác phải THA đều trái pháp luật.

Để tránh sự lạm quyền của các chủ thể trong việc cưỡng chế THA dân sự, pháp luật đã quy định cụ thể các BPC mà người có thẩm quyền THA có quyền áp dụng, trình tự, thủ tục áp dụng.

Tại Điều 71 luật THA dân sự 2008 quy định những BPC:

“1. Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.

4. Khai thác tài sản của người phải thi hành án.

5. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.

6. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định”.

Như vậy, người có thẩm quyền THA chỉ có thể áp dụng sáu BPC quy định tại Điều 71 luật THA dân sự 2008.

Thứ hai, chỉ áp dụng các BPC THA dân sự khi hết thời gian tự nguyện thi hành trừ trường hợp áp dụng cưỡng chế ngay.

Hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của luật THA dân sự 2008, người phải THA có điều kiện THA mà không tự nguyện THA thì bị cưỡng chế. Tuy nhiên để đảm bảo công tác THA thật sự hiệu quả, với mục đích ngăn chặn những hành vi tẩu tán tài sản, hủy hoại tài sản hoặc trốn tránh nghĩa vụ THA của đương sự trong thời gian tự nguyện THA thì chủ thể có thẩm quyền vẫn được áp dụng biện pháp bảo đảm, BPC THA được quy định tại chương IV luật THA dân sự 2008.

Thứ ba, không được cưỡng chế THA trong thời gian mà pháp luật quy định không được cưỡng chế THA.

Pháp luật quy định không tổ chức cưỡng chế THA trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các

trường hợp đặc biệt như 15 ngày trước và sau tết nguyên đán, các ngày truyền thống của các đối tượng chính sách³. Quy định này xuất phát từ mục đích nhân đạo đối với người phải THA.

Thứ tư, chủ thể có thẩm quyền có thể áp dụng một hoặc nhiều BPCC THA dân sự. Việc áp dụng BPCC phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải THA và chi phí hợp lý về THA.

Việc áp dụng BPCC THA dân sự phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải THA và các chi phí cần thiết. Trường hợp người phải THA chỉ có một tài sản duy nhất lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ phải THA mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì người có thẩm quyền THA vẫn có quyền áp dụng biện pháp bảo đảm, BPCC để THA⁴.

Không được kê biên những tài sản mà pháp luật quy định không được kê biên. Tài sản không được kê biên gồm:

- Tài sản bị cấm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách Nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức.
- Trường hợp tài sản của người phải THA là cá nhân: Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải THA và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới; Số thuốc cần dùng để phòng, chữa bệnh của người phải THA và gia đình; Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm; Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương; Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải THA và gia đình; Đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho người phải THA và gia đình.
- Trường hợp tài sản của người phải THA là doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Số thuốc phục vụ việc phòng, chữa bệnh cho người lao động; lương thực, thực phẩm, dụng cụ và tài sản khác phục vụ bữa ăn cho người lao động; Nhà trẻ, trường học, cơ sở y tế và thiết bị, phương tiện, tài sản khác thuộc các cơ sở này, nếu không phải là tài sản để kinh doanh; Trang thiết bị, phương tiện, công cụ bảo đảm an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống ô nhiễm môi trường.

³ Điều 46 luật THA dân sự 2008 và Điều 8 Nghị Định 58/NĐ-CP ngày 13/07/2009

⁴ Khoản 1 Điều 8 Nghị định 58/2009/NĐ-CP ngày 13/07/2009

- Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú, tài sản đang được cầm cố, thế chấp hợp pháp⁵.

BPCC THA dân sự chỉ do người có thẩm quyền THA thực hiện. Nhưng không phải thực hiện một cách tùy tiện, theo ý kiến chủ quan của của họ mà phải dựa trên những căn cứ, trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trong những trường hợp khác nhau việc áp dụng BPCC là khác nhau. Do đó, hiệu quả của việc THA phụ thuộc rất nhiều vào các BPCC được áp dụng

1.1.4. Trình tự thủ tục áp dụng

BPCC THA dân sự được áp dụng trong trường hợp người phải THA chây ì chống đối, trốn tránh nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên do ảnh hưởng lớn đến quan hệ xã hội người phải THA nên việc áp dụng BPCC THA dân sự phải thực hiện theo một trình tự thủ tục chặt chẽ. Trước khi được áp dụng BPCC thì phải trải qua các thủ tục chung của công tác THA. Trong phạm vi đề tài tác giả chỉ nêu những bước của một vụ cưỡng chế.

❖ Ra quyết định cưỡng chế

Theo Điều 45 luật THA dân sự 2008 thì “*hết thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật này, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế*”⁶. Sau khi hết thời hạn tự nguyện THA, người có thẩm quyền THA ra quyết định cưỡng chế trừ trường hợp bản án, quyết định đã tuyên kê biên, phong tỏa tài sản, tài khoản.

❖ Lập kế hoạch cưỡng chế

Trước khi tiến hành cưỡng chế THA dân sự, người có thẩm quyền THA phải lập kế hoạch cưỡng chế, trừ trường hợp phải cưỡng chế ngay. Kế hoạch cưỡng chế bao gồm: BPCC cần áp dụng; Thời gian, địa điểm cưỡng chế; Phương án tiến hành cưỡng chế; Yêu cầu về lực lượng tham gia và bảo vệ cưỡng chế; Dự trù chi phí cưỡng chế.

Kế hoạch cưỡng chế gửi cho Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc cưỡng chế THA. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan THA dân sự

⁵ Điều 19 NĐ 166/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

⁶ Thời hạn tự nguyện THA là 15 ngày

cấp tỉnh và cấp huyện báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp ít nhất là 5 ngày làm việc trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn.

Tổng đạt quyết định cưỡng chế và các giấy tờ khác có liên quan cho người phải THA, người được THA và những người có quyền lợi liên quan.

❖ *Tiến hành cưỡng chế*

Tiến hành cưỡng chế tại nơi có tài sản hoặc đối tượng cần cưỡng chế. Trước khi thực hiện việc cưỡng chế theo kế hoạch và quyết định cưỡng chế đã ấn định, người có thẩm quyền THA chủ trì phổ biến toàn bộ kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, từng người, nêu các tình huống có thể xảy ra và biện pháp xử lý các tình huống đó.

Chuẩn bị đầy đủ các biên bản, văn bản cần sử dụng trước khi tiến hành cưỡng chế. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, điều kiện liên quan đã dự kiến phục vụ tốt cho việc cưỡng chế.

Người có thẩm quyền THA chủ trì điều hành toàn bộ quá trình cưỡng chế, kịp thời xử lý mọi tình huống đã dự kiến trong kế hoạch và tình huống phát sinh diễn ra trong quá trình cưỡng chế cho đến khi kết thúc việc cưỡng chế.

1.2. Quy định pháp luật hiện hành về biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Như đã đề cập ở trên, người có thẩm quyền THA có thể lựa chọn một hoặc nhiều BPCCTHA dân sự nhưng chỉ được phép áp dụng một trong các biện pháp mà luật quy định. Hiện nay, pháp luật quy định có sáu BPCCTHA dân sự bao gồm:

- Khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải THA;
- Trừ vào thu nhập của người phải THA;
- Kê biên, xử lý tài sản của người phải THA, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ;
- Khai thác tài sản của người phải THA;
- Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ;

- Buộc người phải THA thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định⁷.

1.2.1. Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải THA là một trong các BPCCTHADA dân sự, được áp dụng trong trường hợp người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định mà người phải THA có đang có tiền trong tài khoản hoặc đang sở hữu giấy tờ có giá.

Nếu người phải THA phải thi hành nghĩa vụ trả tiền, mà họ đang giữ tiền, giấy tờ có giá hoặc gửi tại kho bạc, tổ chức tín dụng thì BPCCTHADA này sẽ là biện pháp đầu tiên được áp dụng⁸.

Biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải THA được quy định tại các điều Điều 71, 76 và từ Điều 79 đến Điều 83 luật THADA dân sự 2008.

Đối tượng của biện pháp này là tiền và giấy tờ có giá. Tiền bị cưỡng chế có thể là tiền trong tài khoản ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc tiền mà chính họ đang giữ, thu nhập từ hoạt động kinh doanh hằng ngày và tiền do người thứ ba đang giữ.

Nhìn chung những quy định này hầu như đã khắc phục được những hạn chế của pháp lệnh THADA dân sự 2004 về vấn đề khấu trừ, thu hồi xử lý tiền giấy tờ có giá của người phải THA. Tuy nhiên còn một số điểm mà pháp luật quy định chưa được phù hợp. Ví dụ: Nếu người phải THA có tài khoản tại ngân hàng nhưng nguồn lợi thu được từ việc gửi tài sản đó là nguồn sống duy nhất của họ và gia đình, ngoài ra họ không có tài sản nào khác mà người có thẩm quyền THADA khấu trừ hết nghĩa vụ THADA và chi phí cưỡng chế thì người phải THADA không đảm bảo được cuộc sống.

Như vậy, để phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta thì pháp luật THADA dân sự phải quy định theo hướng người có thẩm quyền THADA không được khấu trừ hết số tiền trong tài khoản của người THADA để thực hiện nghĩa vụ mà nguồn lợi thu được từ việc gửi tài sản đó là nguồn sống duy nhất của người phải THADA và gia đình họ.

⁷ Điều 71 luật THADA dân sự 2008

⁸ Đại Học Vinh (2011), *Giáo trình luật thi hành án dân sự*, (hệ đào tạo từ xa) tr 39

1.2.2. Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

Biện pháp trừ vào thu nhập của người phải THA là một trong các BPCCTHADA dân sự được áp dụng trong trường hợp người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định. Người THA có thu nhập thực tế và không tự nguyện thi hành.

Biện pháp trừ vào thu nhập được quy định tại Điều 78 luật THADA dân sự 2008. Giống với đối tượng của biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, đối tượng của biện pháp này cũng là tiền. Nhưng thu nhập theo quy định của BPCCTHADA biện pháp trừ vào thu nhập khác với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá. Theo quy định của pháp luật, tiền bị cưỡng chế là thu nhập của người phải THA gồm: tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động và thu nhập hợp pháp khác.

Việc trừ vào thu nhập của người phải THA được thực hiện theo thỏa thuận của đương sự; Bản án, quyết định ấn định trừ vào thu nhập của người phải THA; THADA cấp dưỡng, THADA theo định kỳ, khoản tiền phải THADA không lớn hoặc tài sản khác của người phải THADA không đủ để THADA.

Mức trừ cao nhất được trừ vào tiền lương, tiền công, tiền lương hưu, tiền trợ cấp mất sức lao động là 30% tổng số tiền được nhận hàng tháng, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác. Đối với thu nhập khác thì mức khấu trừ căn cứ vào thu nhập thực tế của người phải THADA, nhưng phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt tối thiểu của người đó và người được nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Đối với lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính thì mức đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng. Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng số thu nhập.

1.2.3. Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ

Biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người phải THADA là một trong các BPCCTHADA dân sự, được áp dụng trong trường hợp người phải THADA phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định. Người THADA chỉ có tài sản và không tự nguyện THADA.

Biện pháp kê biên, xử lý tài sản của người THADA được quy định tại các Điều 74, Điều 75, Điều 84, từ Điều 89 đến Điều 98 và Điều 111 luật THADA dân sự 2008. Theo đó, đối tượng của biện pháp này là tài sản bao gồm: tài sản là vật, vốn góp, nhà ở, tài

sản gắn liền với đất, phương tiện giao thông, hoa lợi, quyền sở hữu trí tuệ và quyền sử dụng đất.

Theo Điều 163 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản*”. Từ đó có thể thấy, hai đối tượng là tiền và giấy tờ có giá không được pháp luật THA quy định được kê biên, xử lý. Như vậy, có thể hiểu tài sản bị kê biên không bao gồm tiền, giấy tờ có giá.

Những tài sản của người THA không được kê biên: Tài sản bị cầm lưu thông theo quy định của pháp luật; tài sản phục vụ quốc phòng, an ninh, lợi ích công cộng; tài sản do ngân sách Nhà nước cấp cho cơ quan, tổ chức. Số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phải THA và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới; Số thuốc cần dùng để phòng, chữa bệnh của người phải THA và gia đình; Vật dụng cần thiết của người tàn tật, vật dụng dùng để chăm sóc người ốm; Đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương; Công cụ lao động cần thiết, có giá trị không lớn được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người phải THA và gia đình; Đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho người phải THA và gia đình.

Khi tiến hành kê biên tài sản của người phải THA, người có thẩm quyền THA phải phân biệt tài sản thuộc sở hữu chung hoặc đang có tranh chấp hay không.

- Trường hợp tài sản thuộc sở hữu chung.

Tại Điều 74 luật THA dân sự 2008 quy định trước khi cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải THA với người khác, kể cả quyền sử dụng đất, người có thẩm quyền THA phải thông báo cho chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế để họ thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án để xác định phần sở hữu của mình. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu chủ sở hữu chung không khởi kiện thì người được THA hoặc người có thẩm quyền THA có quyền yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của người phải THA trong khối tài sản chung để bảo đảm THA.

Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ, chồng thì người có thẩm quyền THA xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết. Trường hợp vợ hoặc chồng không đồng ý thì có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phần sở hữu được người có thẩm quyền THA xác định. Hết thời hạn trên, đương sự không khởi kiện thì người có thẩm quyền THA tiến hành xử lý tài sản và

thanh toán lại cho vợ hoặc chồng của người phải THA giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ.

- Trường hợp xử lý tài sản đang có tranh chấp.

Người có thẩm quyền THA tiến hành cưỡng chế và yêu cầu đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Toà án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Người có thẩm quyền THA xử lý tài sản đã kê biên theo quyết định của Toà án, cơ quan có thẩm quyền.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày người có thẩm quyền THA yêu cầu mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Toà án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì tài sản được xử lý để THA theo quy định của luật này.

Sau khi đã xác định được, phần sở hữu của các chủ sở hữu chung được xử lý như sau:

Đối với tài sản chung có thể chia được thì người có thẩm quyền THA áp dụng BPCC phân tài sản tương ứng với phần sở hữu của người phải THA;

Đối với tài sản chung không thể chia được hoặc nếu việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản thì người có thẩm quyền THA có thể áp dụng BPCC đối với toàn bộ tài sản và thanh toán lại cho chủ sở hữu chung còn lại giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu của họ.

1.2.4. Khai thác tài sản của người phải thi hành án

Biện pháp khai thác tài sản của người phải THA là một trong các BPCC THA dân sự được áp dụng trong trường hợp người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án, quyết định mà tài sản của người phải THA có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản của người phải THA có thể khai thác để THA và không tự nguyện thi hành.

Biện pháp khai thác tài sản của người phải THA được quy định tại Điều 107 luật THA dân sự 2008. Theo đó, đối tượng của BPCC này là tài sản có thể khai thác.

Người có thẩm quyền THA cưỡng chế khai thác tài sản của người phải THA trong các trường hợp: Tài sản của người phải THA có giá trị quá lớn so với nghĩa vụ phải thi hành và tài sản đó có thể khai thác để THA; Người được THA đồng ý cưỡng chế khai

thác tài sản để THA nếu việc khai thác tài sản không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba⁹.

Chấm dứt việc cưỡng chế khai thác tài sản trong các trường hợp: việc khai thác tài sản không hiệu quả hoặc làm cản trở đến việc THA; Người phải THA, người khai thác tài sản thực hiện không đúng yêu cầu của người có thẩm quyền THA về việc khai thác tài sản; Người phải THA đã thực hiện xong nghĩa vụ THA và các chi phí về THA; Có quyết định đình chỉ THA.

1.2.5. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định

Biện pháp buộc người phải THA thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định là một trong các BPPC THA dân sự được áp dụng trong trường hợp người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ buộc thực hiện hoặc không thực hiện nghĩa vụ nhất định theo bản án, quyết định.

Biện pháp buộc người phải THA thực hiện hoặc không thực hiện công việc nhất định được quy định từ các Điều 118 đến Điều 121 luật THA dân sự 2008. Theo đó, đối tượng của biện pháp này là công việc nhất định phải thực hiện theo bản án, quyết định, chấm dứt việc thực hiện công việc mà theo bản án, quyết định không được thực hiện, giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định, buộc nhận người lao động trở lại làm việc. Biện pháp kết thúc khi công việc được thực hiện.

1.2.6. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ

Biện pháp buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ là một trong các BPPC THA dân sự, được áp dụng trong trường hợp người phải THA phải thực hiện nghĩa vụ trả tài sản, vật và giấy tờ theo bản án, quyết định.

Biện pháp buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ được quy định tại các Điều 114, Điều 115, Điều 116 luật THA dân sự 2008. Theo đó, đối tượng của biện pháp này là việc chuyển giao, trả vật, tài sản, giấy tờ. Xét về bản chất thì việc buộc chuyển giao vật, tài sản, giấy tờ cũng là nghĩa vụ thực hiện một công việc theo bản án của Tòa án. Tuy nhiên, biện pháp buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ có điểm khác so với biện pháp buộc người phải THA thực hiện công việc

⁹ Khoản 1 Điều 107 luật THA dân sự 2008

nhất định ở điểm đối tượng hướng đến một bên là vật đặt định, vật cùng loại, nhà ở, giấy tờ còn một bên là hành vi, xử sự của cá nhân, tổ chức như giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định, nhận người lao động trở lại làm việc.

Tóm lại, các BPCC THA dân sự sẽ áp dụng trong những trường hợp khác nhau, đối tượng của những BPCC cũng khác nhau mà tựu chung lại đã bao hàm hết các đối tượng có thể đảm bảo cho người được THA khôi phục lại tình trạng ban đầu của quan hệ xã hội bị xâm hại. Thứ tự của các BPCC THA cũng được người có thẩm quyền THA xem xét lựa chọn để áp dụng cho phù hợp với thực tế THA.

II. THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

2.1. Thực tiễn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

Việc thi hành dứt điểm các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật mà được thi hành ngay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo trật tự, an toàn xã hội¹⁰, giúp củng cố niềm tin của nhân dân đối với pháp luật và chủ trương, chính sách của Nhà nước.

Để đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm ban hành nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ cho công tác THA dân sự. Cơ quan THA dân sự và văn phòng thừa phát lại cùng các cán bộ công chức trong ngành cũng nỗ lực phấn đấu nâng cao kết quả công tác THA dân sự. Nhờ sự cố gắng đó mà nhiều bản án thi hành dứt điểm đảm bảo quyền và lợi ích cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức. Để rõ hơn, có thể tham khảo qua bảng thống kê kết quả công tác THA dân sự trên toàn quốc từ năm 2010-2014:

Bảng thống kê tình hình THA về việc qua các năm:

Việc Năm	Số việc được thụ lý giải quyết	Số việc có điều kiện THA	Số việc chưa có điều kiện THA	Số việc THA xong	Tỷ lệ thi hành xong/Tổng số phải THA	Tỷ lệ thi hành xong/Tổng số có điều kiện THA	Tỷ lệ việc chưa được THA
2010	615.411	406.896	208.515	351.373	57,09%	86,35%	42,91%
2011	632.545	431.979	200.566	379.990	60,07%	87,96%	39,93%
2012	642.885	446.225	196.630	395.284	61,49%	88,58%	38,51%
2013	732.179	569.963	162.486	492.975	67,33%	86,49%	32,67%
2014	779.298	600.297	179.001	531.095	68,15%	88,47%	31,85%

¹⁰ Trần Công Thịnh (2008), “Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án dân sự và một số khuyến nghị” tạp chí khoa học ĐHQGHN, kinh tế - luật, năm 2008. Tr 254

Bảng thống kê tình hình THA về tiền qua các năm (đơn vị: tỷ đồng. Số liệu làm tròn đến hàng triệu)

Tiền Năm	Số tiền phải thi hành	Số tiền có điều kiện THA	Số tiền chưa có điều kiện THA	Số tiền THA xong	Tỷ lệ thi hành xong / Tổng số phải THA	Tỷ lệ thi hành xong / Tổng số có điều kiện THA	Tỷ lệ tiền chưa được THA
2010	30.698,10	10368	20.330	8.301,32	27,04%	80%	72,96%
2011	35.416,34	13.366,29	20.050,05	10.167,71	28,71%	76,06%	71,29%
2012	43.219,63	13.470,57	29819	10.344,56	23,93%	77,19%	76,07%
2013	70.562,60	39.584,91	30.977,68	28.965	41,05%	73,17%	58,95%
2014	95.109	50.808	44.307	38.982	40,98%	76,72%	59,02%

Từ bảng thống kê, có thể thấy tỷ lệ giải quyết xong/tổng số phải THA của năm sau đều tăng so với năm trước. Tỷ lệ việc chưa được giải quyết/tổng số việc phải thi hành giảm dần qua các năm. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng và giảm còn chậm. Số lượng việc chưa được thi hành còn nhiều. Về số tiền THA chưa thu được còn nhiều, tỷ lệ tiền chưa được thi hành còn khá cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là các BPPC THA dân sự chưa phát huy hết khả năng trên thực tế. Mà cưỡng chế THA dân sự lại là hoạt động quan trọng thường xuyên của công tác THA dân sự, nhằm khôi phục và bảo vệ các quan hệ xã hội bị xâm phạm.

2.1.1. Khó khăn trong việc áp dụng biện pháp khấu trừ tiền trong tài khoản, thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án

❖ Khó khăn đến từ ngân hàng

Đầu tiên, việc thu thập thông tin về tài khoản của người phải THA do người có thẩm quyền THA tiến hành xác minh gặp nhiều khó khăn do vướng phải các quy định về bảo mật thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Các tổ chức tín dụng sẽ viện dẫn quy định tại Điều 14 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 để từ chối cung cấp thông tin về tài khoản của người phải THA. Do đó, các tổ chức tín dụng, ngân hàng lấy lý do đó không hợp tác trong việc cung cấp thông tin cho người được THA. Sau khi đã thu thập thông tin về tài khoản của người THA thì các ngân hàng lại viện lý do số tiền lớn, phải xin ý kiến của hội sở hoặc viện lý do bảo vệ khách hàng nên trì hoãn việc

THA, khiến vụ việc kéo dài dẫn đến người được THA bức xúc, khiếu nại cơ quan thi hành nhiều lần.

Ví dụ: Chi cục THA dân sự thành phố TH tỉnh PY thụ lý thi hành bản án số 07/DS-ST ngày 05/04/2014 của Tòa án nhân dân tp. TH nội dung thi hành: công ty trách nhiệm hữu hạn TX phải trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông T cung cấp cho Chi cục THA dân sự thông tin công ty TX có số tiền 1.000.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng thương mại cổ phần N. Khi Chi cục xác minh thông tin đó là có cơ sở và yêu cầu ngân hàng chuyển tiền qua tài khoản Chi cục để THA. Viện lý do số tiền lớn ngân hàng phải xin ý kiến hội sở. Sau vài ngày trì hoãn, công ty TX đã chuyển số tiền trả nợ cho công ty khác. Khi làm việc lại thì trong tài khoản ngân hàng của công ty TX chỉ còn 150.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật nếu ngân hàng không chuyển tiền trong tài khoản của người bị thi hành án cho cơ quan THA dân sự thì đơn vị sẽ lập biên bản vi phạm hành chính để xử phạt. Thực tế thì chỉ sau khi cơ quan THA dân sự ra quyết định xử phạt hành chính thì ngân hàng mới chịu khấu trừ tiền trong tài khoản của người phải THA. Với một số tiền lớn nằm trong ngân hàng mà nhu cầu tái đầu tư của người được THA là cấp thiết thì sẽ là thiệt hại không nhỏ cho người được THA. Trái lại, đối với ngân hàng khoản tiền đó lại là khoản lợi nhuận đáng kể.

Vì vậy, khi áp dụng biện pháp khấu trừ trong tài khoản, kết quả phụ thuộc rất lớn vào ý thức pháp luật của ngân hàng. Ngân hàng nào có bộ phận pháp chế đủ mạnh thì thực hiện thông suốt, và ngược lại.

❖ Khó khăn đến từ việc xác định thu nhập từ hoạt động kinh doanh của người phải THA.

Trường hợp người phải THA có thu nhập từ hoạt động kinh doanh thì người có thẩm quyền THA ra quyết định thu tiền từ hoạt động kinh doanh, người có thẩm quyền THA phải để lại số tiền tối thiểu cho hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của người phải THA và gia đình¹¹. Người có thẩm quyền THA ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm xác minh thông tin về tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt¹² hoặc người được THA

¹¹ Điều 79 luật THA dân sự 2008

¹² Điều 20NĐ 166/2013/NĐ-CP

tự xác minh. Mà thu nhập từ hoạt động kinh doanh của người phải THA rất khó xác minh vì tài sản, thu nhập của người khác thuộc bí mật thông tin và được pháp luật bảo vệ. Người có thẩm quyền THA muốn xác minh phải nhờ cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp người được THA trực tiếp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin thì càng khó khăn hơn. Chưa kể, người phải THA từ chối cung cấp thông tin cho người được THA, người có thẩm quyền THA hoặc cố tình cung cấp sai, thì chưa có cơ chế xử lý.

Trên thực tế, đa phần đương sự cố tình che giấu nên việc thi hành biện pháp thu tiền từ hoạt động kinh doanh là rất khó khăn. Hiệu quả của biện pháp này phụ thuộc rất nhiều vào ý thức pháp luật của người phải THA và sự phối hợp của nhiều cơ quan chức năng.

2.1.2. Khó khăn trong việc áp dụng biện pháp trừ vào thu nhập của người phải thi hành án

Khó khăn lớn nhất của biện pháp trừ vào thu nhập của người phải THA là ý thức chấp hành pháp luật của người phải THA và nhận thức, trách nhiệm của cơ quan liên quan.

Nhiều trường hợp, người đang THA chuyển chỗ ở, chuyển nơi công tác khiến cơ quan THA dân sự mất thời gian thông báo đến nơi ở, nơi công tác mới và các thủ tục THA bắt đầu lại từ đầu. Chưa kể trường hợp người phải THA cố tình trốn tránh nghĩa vụ, công tác THA dân sự gặp nhiều khó khăn. Về phía các cơ quan như UBND, bảo hiểm xã hội và người sử dụng lao động chưa có sự phối hợp với cơ quan THA dân sự. Cơ quan bảo hiểm xã hội không thực hiện việc chuyển tiền lương hưu, trợ cấp của người phải THA cho cơ quan THA dân sự theo quyết định cưỡng chế của người có thẩm quyền THA. Người sử dụng lao động kiên quyết từ chối cơ quan THA vì lý do bảo vệ cho người lao động của mình, hoặc đơn giản chỉ vì chưa có tiền lệ¹³.

Ví dụ: Chi cục THA dân sự huyện ĐH tỉnh PY thụ lý thi hành bản án số 15/DS-ST ngày 15/03/2013 của Tòa án nhân dân huyện ĐH. Nội dung thi hành ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 10.000.000 đồng. Chi cục xác minh được ông Đ không có tài sản gì ngoài số tiền lương hưu hàng tháng là 2.750.000 đồng. Sau khi đã quyết định trừ vào thu nhập và bảo hiểm xã hội huyện ĐH có trách nhiệm chuyển tiền

¹³ Việt Hòa, “*Khó trừ vào thu nhập của người phải thi hành án*”, báo pháp luật

vào tài khoản của Chi cục để thi hành. Nhưng bảo hiểm xã hội từ chối phối hợp vì cho rằng đây là lương hưu.

Từ những vấn đề nêu trên, dẫn đến không ít hồ sơ THA tồn đọng, không thi hành được mặc dù người phải THA có tiền lương hưu, tiền trợ cấp hàng tháng tại bảo hiểm xã hội. Dẫn đến người dân mất lòng tin vào cơ quan THA dân sự, cho rằng cơ quan THA dân sự chưa làm hết trách nhiệm trong việc THA, gây nhiều bức xúc trong xã hội.

Trừ vào thu nhập của người phải THA là một trong những BPCC để bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án. Tuy nhiên trên thực tế, biện pháp này không được sử dụng thường xuyên ngay cả khi người phải THA chỉ có tài sản duy nhất là nguồn tiền lương, lương hưu hay trợ cấp hàng tháng¹⁴.

2.1.3. Khó khăn khi kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ

❖ Kê biên tài sản tài sản của người phải THA đã bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho người thứ ba

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6, thông tư liên tịch 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THA dân sự và phối hợp liên ngành trong THA dân sự thì “*Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người phải THA bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án, thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Nếu có tranh chấp thì Chấp hành viên hướng dẫn đương sự thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo mà không có người khởi kiện thì cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thi hành án*”. Theo đó, kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm, thì người có thẩm quyền THA được kê biên tài sản mà không phụ thuộc vào tài sản đó đã được người phải THA bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản.

Thực tế không ít trường hợp ngay sau khi có bản án, quyết định sơ thẩm, người

¹⁴ Việt Hòa, “*Khó trừ vào thu nhập của người phải thi hành án*”, báo pháp luật

phải THA chuyển nhượng tài sản là nhà, đất của mình cho người khác. Việc chuyển nhượng này được lập thành hợp đồng, có công chứng và đã kê khai đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 168, Điều 170 Bộ luật dân sự 2005 thì quyền sở hữu tài sản đối với bất động sản đã chuyển nhượng cho bên nhận chuyển nhượng kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu. Khoản 3 Điều 93 Luật nhà ở 2005: “*Hợp đồng về nhà ở phải có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với nhà ở tại đô thị, chứng thực của Ủy ban nhân dân xã đối với nhà ở tại nông thôn*”. Do đó, nếu là một giao dịch hợp pháp, người phải THA đã bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho tài sản của mình cho người khác thông qua hợp đồng công chứng hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật thì để kê biên xử lý được tài sản của người phải THA thì người có thẩm quyền THA phải hủy bỏ giao dịch đó vì tài sản bây giờ đã không thuộc quyền sở hữu của người phải THA. Tuy nhiên, hiện nay lại chưa có một căn cứ pháp lý nào cụ thể để hủy bỏ giao dịch giữa người phải THA với người nhận chuyển nhượng, tặng cho tài sản kể từ thời điểm có bản án Tòa án quyết định.

Ví dụ: Chi cục THA dân sự huyện PH tỉnh PY thụ lý thi hành bản án số 01/DS-ST ngày 01/03/2014 của Tòa án nhân dân huyện PH nội dung thi hành: ông Trần B trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 1.100.000.000 đồng. Chi cục THA dân sự xác minh được ông B đã bán căn nhà cho bà Lâm Thị T có hợp đồng được công chứng, đăng ký và đã làm xong thủ tục chuyển tên sở hữu. Từ đó, Chi cục không thể tổ chức thi hành kê biên tài sản được vì hiện tại quyền sở hữu tài sản thuộc về bà Lâm Thị T.

Nếu kê biên được thì người có thẩm quyền THA có thông báo cho người đã nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho tài sản và hướng dẫn họ khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình, nếu người đó không khởi kiện. Hết thời hạn 30 ngày, người có thẩm quyền THA xử lý tài sản kê biên theo quy định của pháp luật. Tài sản bán đấu giá thành, cơ quan THA dân sự có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các văn bản, giấy tờ liên quan cho người trúng đấu giá theo quy định tại khoản 3, Điều 106 luật THA dân sự 2008. Kết quả bán đấu giá vẫn được công nhận vì theo khoản 3 Điều Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản thì nếu các thủ tục về bán đấu giá đúng quy định thì kết quả đó được công nhận cho dù các quyết định liên quan đến tài sản bán đấu giá trước đó bị hủy. Nhưng việc lập thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người trúng đấu giá không thực hiện được vì giao dịch giữa người phải THA và người mua trước đó vẫn còn hiệu lực. Các giấy tờ chứng nhận

quyền sở hữu đang trong tay người nhận chuyển nhượng, tặng cho nên người có thẩm quyền THA khó có thể đòi được.

Như vậy, Thông tư số 14 chỉ quy định từ thời điểm có bản án sơ thẩm mà người phải THA chuyển nhượng tài sản cho người khác thì tài sản đó vẫn bị kê biên đảm bảo THA và quy định quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với người có tranh chấp về tài sản kê biên, mà không quy định người có thẩm quyền THA có quyền hủy bỏ hoặc yêu cầu Tòa án hủy bỏ giao dịch đã có hiệu lực giữa người phải THA và người khác đã thực hiện sau khi có bản án sơ thẩm. Trước đây tại Thông tư liên tịch số 12/2001/TTLT-BTP-VKSNDTC có quy định rõ *“Đối với các trường hợp sau khi có bản án, quyết định của Tòa án, người phải THA đã chuyển nhượng các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình, thì Chấp hành viên có quyền kê biên tài sản đó và có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ giao dịch đó. Người được THA, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ giao dịch đó.”* Với quy định cụ thể này thì người có thẩm quyền THA có quyền yêu cầu cơ quan chức năng hủy bỏ giao dịch. Do Thông tư liên tịch số 14 không kế thừa nội dung quan trọng của Thông tư liên tịch số 12 nên khó khăn cho việc xử lý tài sản của người phải THA đã chuyển nhượng cho người khác sau khi có bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy sự chông chéo trong pháp luật, sự bất cập của quy định bán đấu giá tài sản. Trên thực tế có không ít trường hợp, ngay sau khi có bản án của Tòa án, quyết định, người phải THA chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản của mình cho người khác. Đối với nhóm hành vi thế chấp, bảo lãnh, cầm cố người phải THA vẫn là chủ sở hữu tài sản nên người có thẩm quyền THA kê biên tài sản là đơn giản. Đối với nhóm hành vi bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, đã làm chấm dứt quyền sở hữu của người phải THA nên việc kê biên gặp nhiều khó khăn.

❖ Kê biên tài sản hộ gia đình

Theo quy định tại Điều 74 luật THA dân sự 2008 thì trước khi cưỡng chế đối với tài sản thuộc sở hữu chung của người phải THA với người khác, kể cả quyền sử dụng đất, người có thẩm quyền THA phải thông báo cho chủ sở hữu chung biết việc cưỡng chế.

Chủ sở hữu chung có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của họ đối với tài sản chung. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu chủ sở hữu chung không khởi kiện thì người được THA hoặc người có thẩm quyền THA có quyền yêu cầu Toà án xác định phần sở hữu của người phải THA trong khối tài sản chung để bảo đảm THA. Tuy nhiên, vì không đúng chủ thể khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết. Mà Tòa án không thụ lý thì việc THA không thể tiến hành được.

Trường hợp khác, hiện nay pháp luật chưa quy định rõ tài sản chung là quyền sử dụng đất cấp cho hộ bị cưỡng chế để THA được xác định khi nào. Tại thời điểm kê biên tài sản hay tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hộ khẩu, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đương sự.

❖ *Kê biên quyền sử dụng đất có diện tích đất nhỏ trong tổng diện tích đất*

Pháp luật THA dân sự hiện hành cho phép người có thẩm quyền THA kê biên tài sản là quyền sử dụng đất để thi hành nghĩa vụ trả tiền theo bản án của Tòa án, quyết định. Nếu giá trị của quyền sử dụng đất tương ứng hoặc nhỏ hơn nghĩa vụ THA thì việc kê biên tương đối dễ dàng. Vấn đề đặt ra ở đây là nếu quyền sử dụng đất có giá trị lớn hơn nghĩa vụ phải THA thì người có thẩm quyền THA sẽ làm như thế nào.

Người có thẩm quyền THA vẫn tiến hành kê biên một phần diện tích đất trong tổng số diện tích đất. Theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật THA dân sự 2008 thì “*Khi kê biên quyền sử dụng đất, chấp hành viên yêu cầu người phải thi hành án, người đang quản lý giấy tờ về quyền sử dụng đất phải nộp các giấy tờ đó cho cơ quan thi hành án dân sự*”. Sau khi có được giấy tờ về quyền sử dụng đất người có thẩm quyền THA đến UBND địa phương tiến hành tách thửa đất để THA nhưng bị UBND từ chối với lý do diện tích đất nhỏ, không đủ diện tích tối thiểu mà pháp luật đất đai yêu cầu. Do đó, việc THA chỉ nằm trên giấy tờ mà không đem lại hiệu quả trên thực tế.

Trường hợp diện tích đất đủ để tách thửa, thì vấn đề xác định vị trí của thửa đất bị kê biên sẽ xác định như thế nào, nếu hai bên không thống nhất được thì sẽ giải quyết như thế nào, hiện pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc kê biên trong thực tế bị kéo dài.

Trong thực tế có nhiều trường hợp, giá trị quyền sử dụng đất lớn hơn nhiều so với nghĩa vụ THA, chỉ một phần diện tích trong tổng số diện tích đất có giá trị bằng hoặc

hơn nghĩa vụ THA. Nếu gặp phải những vấn đề nêu trên thì việc kê biên quyền sử dụng đất sẽ kéo dài, không đảm bảo được quyền lợi của người được THA.

❖ Định giá tài sản kê biên

Điều 98 luật THA dân sự 2008 đã mở rộng thẩm quyền tự định đoạt giá trị tài sản của đương sự, theo đó “*ngay khi kê biên tài sản mà đương sự thoả thuận được về giá tài sản hoặc về tổ chức thẩm định giá thì Chấp hành viên lập biên bản về thỏa thuận đó. Giá tài sản do đương sự thoả thuận là giá khởi điểm để bán đấu giá*”. Tuy nhiên, khi thỏa thuận giá đương sự lại thỏa thuận quá cao so với thực tế, dẫn đến tài sản không bán được. Đồng nghĩa với việc người có thẩm quyền THA ra quyết định giảm giá để tiếp tục bán đấu giá, mỗi lần giảm giá không quá 10% giá trị tài sản lúc khởi điểm. Như vậy, việc THA sẽ bị kéo dài, án tồn đọng ngày càng nhiều.

Một vấn đề nữa, là việc xác định tài sản kê biên theo giá cả thị trường là vấn đề hết sức khó khăn và luôn gây nhiều tranh cãi. Cho nên, bên cạnh việc cơ quan nhà nước cần có khung giá phù hợp với giá cả thị trường thì việc định giá phải thấp hơn giá cả thị trường để làm cơ sở đưa ra giá khởi điểm, thì án mới có thể thi hành được. Sự không đồng bộ này đã tạo ra một lỗ hổng trong việc định giá tài sản và định giá lại tài sản. Vì khi tài sản đã kê biên, bán đấu giá mọi chi phí THA trong quá trình kê biên xử lý tài sản đều do người phải THA chịu, chính vì vậy người phải THA tìm cách gây khó khăn bằng cách yêu cầu định giá lại tài sản nhiều lần, bởi lẽ họ biết mọi chi phí cưỡng chế đều trích từ khoản tiền kê biên, bán đấu giá.

Sắp tới đây, Luật đã sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 và bổ sung khoản 3 vào Điều 99 luật THA dân sự 2008 theo hướng việc định giá lại chỉ được thực hiện như sau: về số lần, đương sự chỉ được quyền yêu cầu định giá lại một lần. Quy định này là biện pháp nhằm hạn chế tình trạng cố tình lợi dụng quyền yêu cầu định giá lại tràn lan, cơ quan THA phải tổ chức bán tài sản nhiều lần làm kéo dài thời gian THA, tốn kém chi phí của Nhà nước và của các đương sự.

2.1.4. Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ

Trong các BPCCTH A dân sự được quy định tại Điều 71 Luật THA dân sự 2008, thì BPCCTH A buộc chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ là một trong những biện pháp không phức tạp nhưng lại rất khó khăn khi áp dụng điều luật này vào thực tiễn. Đó là vấn đề thu hồi giấy tờ có đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản của đối tượng phải THA sau khi cưỡng chế THA mà không thu hồi được.

Điều 116 luật THA dân sự 2008 quy định khi bản án tuyên trả giấy tờ mà người phải THA không tự nguyện thực hiện thì: *“Chấp hành viên ra quyết định cưỡng chế buộc người phải thi hành án trả giấy tờ cho người được thi hành án. Trường hợp người phải thi hành án không thực hiện thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc người đó trả giấy tờ để thi hành án.*

Trường hợp xác định người thứ ba đang giữ giấy tờ phải trả thì Chấp hành viên yêu cầu người đó giao giấy tờ đang giữ, nếu người thứ ba không tự nguyện giao thì Chấp hành viên cưỡng chế buộc người đó giao giấy tờ để thi hành án”.

Tuy nhiên khi thực thi trên thực tế thì việc cưỡng chế gần như không đạt được mục đích, đa phần người phải chấp hành án che dấu hoặc hủy hoại giấy tờ, người có thẩm quyền THA không thể nào lấy được giấy tờ trả lại cho nguyên đơn. Trong trường hợp này người có thẩm quyền THA căn cứ vào tình hình thực tế mà xử lý như sau:

- Đối với giấy tờ không thể thu hồi được nhưng có thể cấp lại

Trong trường hợp này thì người có thẩm quyền THA yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho người được THA¹⁵.

Giải pháp này đã khắc phục được tình trạng bất hợp tác của người phải THA nhưng lại gặp phải một khó khăn khác đó là yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới của người có thẩm quyền THA không được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, cụ thể là UBND địa phương sẽ căn cứ khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 6 Điều 87 nghị định 43/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều luật Đất đai 2013: *“Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành”.* Như vậy, cơ quan THA dân sự căn cứ đoạn 1 khoản 2 Điều 116 Luật THA dân sự để giải quyết việc THA theo yêu cầu của người phải THA là không có tác dụng.

- Đối với giấy tờ không thể thu hồi và cũng không thể cấp lại được

Trong trường hợp này, thì thủ trưởng cơ quan THA dân sự ra quyết định trả đơn yêu cầu THA và hướng dẫn đương sự khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết¹⁶. Tuy nhiên, vì giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy đăng ký xe mô tô, xe máy; giấy

¹⁵ Khoản 2 Điều 116 luật THA dân sự 2008

¹⁶ Đoạn 2 khoản 2 Điều 116 luật THA dân sự 2008

đăng ký xe ô tô... không phải là giấy tờ có giá theo quy định tại Điều 163 Bộ luật dân sự 2005 nên người dân có khởi kiện Tòa án cũng không thụ lý giải quyết. Với quy định của pháp luật như vậy, vụ việc cưỡng chế trả lại giấy tờ gần như bế tắc, quyền và lợi ích của người được THA sẽ không được khôi phục.

Vì vậy, việc sử dụng biện pháp này chỉ được thực hiện khi không còn giải pháp nào khác, vì thực tế việc cưỡng chế buộc thực hiện hành vi theo quy định trên không mang lại hiệu quả, đương sự không những không thực hiện quyết định cưỡng chế buộc thực hiện hành vi mà còn không nộp phạt vi phạm hành chính¹⁷.

2.1.5. Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định

Một trong những hình thức thường xuyên áp dụng trong BPCC buộc người phải THA thực hiện hoặc không thực hiện công việc nhất là buộc giao người chưa thành niên cho người khác nuôi dưỡng. Biện pháp này mang tính đạo đức và nhân văn rất cao. Mục đích của biện pháp này hướng tới lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên.

Khoản 1 Điều 120 luật THA dân sự 2008 quy định: “*Chấp hành viên ra quyết định buộc giao người chưa thành niên cho người được giao nuôi dưỡng theo bản án, quyết định. Trước khi cưỡng chế giao người chưa 5 niên cho người được giao nuôi dưỡng, Chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương đó thuyết phục đương sự tự nguyện THA*”. Tuy nhiên, trong thực tế, việc THA giao người chưa thành niên cho người khác nuôi dưỡng gặp rất nhiều khó khăn. Phần lớn biện pháp này áp dụng trong án ly hôn, cha mẹ người chưa thành niên đều muốn dành quyền nuôi con nên người phải THA không tự nguyện, cố tình đem người chưa thành niên trốn tránh và bản thân người phải THA có biểu hiện thái quá chống đối người có thẩm quyền THA gây khó khăn cho việc THA.

Ví dụ: Chi cục THA dân sự huyện TH tỉnh PY thụ lý thi hành bản án số 14/HNGĐ-ST ngày 05/06/2014 của Tòa án nhân dân huyện T. Nội dung thi hành: anh Nguyễn T phải giao con Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 01/02/2013 cho mẹ là Trương Thị C nuôi dưỡng. Trong quá trình THA anh T giữ con ở nhiều nơi khác nhau nên chị C không cung cấp được địa chỉ nơi cháu H sinh sống. Khi Chi cục phối hợp cùng chính quyền

¹⁷ Ths. Lê Thị Lệ Duyên (2013), “Những vướng mắc trong phối hợp thực hiện quy định về cưỡng chế trả giấy tờ”- Tạp chí dân chủ và pháp luật

địa phương đến để giao con nhưng anh T và con đã chuyển nơi khác sinh sống. Việc giao con vẫn chưa thể tiến hành được.

2.2. Nguyên nhân vướng mắc và giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự

2.2.1. Nguyên nhân vướng mắc việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế

❖ Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, người phải THA bất hợp tác, chây ì, chống đối

Trong quá trình THA dân sự, BPCCT có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích thiết thực của các bên đương sự nên khi THA thì người có thẩm quyền THA thường vấp phải sự chống đối quyết liệt của người phải THA. Nếu người phải THA không tự nguyện thi hành nghĩa vụ thì chấp thành viên sẽ áp dụng những BPCCT buộc họ thực hiện đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án vì lợi ích của người được THA. Lúc này quyền nhân thân, quyền tài sản của người phải THA bị trực tiếp tác động. Do đó, trong giai đoạn này người phải THA thường trì hoãn, trốn tránh việc THA, làm cho việc THA khó khăn, phức tạp, nhất là những trường hợp người phải THA chưa thỏa mãn với kết quả giải quyết với Tòa án và với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, chưa có sự phối hợp tốt giữa các ban ngành trong công tác THA

Luật THA dân sự 2008 dành riêng chương VIII từ Điều 166 đến Điều 180 quy định trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, trong công tác THA. Việc quy định trách nhiệm, quyền hạn này đã tạo hành lang pháp lý cho việc phối hợp trong triển khai THA dân sự. Nhìn chung trong thời gian qua, các cơ quan hữu quan đã có sự phối hợp với cơ quan THA. Tuy nhiên, việc phối hợp giữa các cơ quan đôi lúc chưa thống nhất, gắn kết. Nhiều trường hợp quy định của pháp luật THA dân sự không được thực hiện đầy đủ, song không có chế tài cụ thể, đủ mạnh để các cơ quan đó nghiêm chỉnh chấp hành.

Thứ ba, chế độ đãi ngộ với người có thẩm quyền THA, cán bộ, công chức làm công tác THA dân sự chưa hợp lý.

Trước tình hình kinh tế thị trường trong nước có nhiều chuyển biến phức tạp, sự xã hội hóa các lĩnh vực trong đời sống xã hội đã tác động không nhỏ đến bộ phận cán bộ làm công tác THA. Trong những năm gần đây, tình trạng người có thẩm quyền THA

của cơ quan THA các địa phương xin nghỉ việc, chuyển công tác có xu hướng gia tăng. Đặc biệt, trong tình hình phát triển thừa phát lại như hiện nay, chấp hành viên chuyển sang thừa phát lại rất nhiều.

❖ Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác THA dân sự có trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến bản án, quyết định chưa thi hành bị tồn đọng. Do đó, công tác nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức cơ quan THA cần được chú trọng hơn nữa.

Thứ hai, nhiều trường hợp người có thẩm quyền THA chưa thật sự tích cực, quyết liệt, đối với những vụ việc phức tạp khó khăn, ngại khó, ngại va chạm.

Đối với những án khó, việc THA yêu cầu sự quyết liệt của người có thẩm quyền THA nhưng điều này chưa được thể hiện nhiều, vẫn còn tình trạng người có thẩm quyền THA ngại khó, ngại va chạm dẫn đến bức xúc cho đương sự.

Thứ ba, vẫn còn trường hợp chấp hành viên quyền vôi vĩnh, sách nhiễu đương sự, gây cản trở hoạt động THA, làm xói mòn lòng tin nhân dân vào pháp luật.

Trong những năm qua, việc THA dân sự luôn có những tiêu cực: năm 2013 bị xử lý kỷ luật 58 trường hợp, trong đó có 10 cán bộ lãnh đạo cấp cục, một số trường hợp bị xử lý hình sự¹⁸... vẫn còn trường hợp chấp hành viên vôi vĩnh, sách nhiễu đương sự, gây cản trở hoạt động THA góp phần làm số lượng án chưa thi hành tồn đọng nhiều.

❖ Những bất cập đến từ quy định của pháp luật

Thứ nhất, thiếu cơ sở pháp lý

Như đã đề cập ở phần khó khăn khi kê biên, xử lý tài sản của người phải THA, thì kê biên tài sản của người phải THA đã bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho người thứ ba kể từ khi có bản án của Tòa án, quyết định gặp nhiều khó khăn mà nguyên nhân chủ yếu là thiếu cơ sở pháp lý cho người có thẩm quyền THA hủy bỏ giao dịch hợp pháp.

¹⁸ Báo cáo 15/BC-BTP tổng kết tư pháp 2013 và phương hướng, nhiệm vụ giải pháp chủ yếu công tác 2014

Thứ hai, mâu thuẫn giữa THA và pháp luật đất đai

Với quy định: “*Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã được thi hành*” tại khoản 6 Điều 87 nghị định 43/2013/NĐ-CP thì người có thẩm quyền THA yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ra quyết định hủy giấy tờ đó và cấp giấy tờ mới cho nguyên đơn để giải quyết việc THA theo yêu cầu của được THA là không có tác dụng, việc cưỡng chế buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ gần như không đạt được mục đích.

2.2.2. Một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng cưỡng chế thi hành án dân sự

Từ những nghiên cứu về mặt lý luận và chỉ ra những bất cập trong việc áp dụng BPCCTHA dân sự, trong bối cảnh luật THA dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 sắp có hiệu lực nhưng chưa khắc phục triệt để những vướng mắc của BPCCTHA dân sự. Đồng thời để các quy định về BPCCTHA dân sự được người có thẩm quyền THA áp dụng trong thực tế được triệt để, góp phần tổ chức THA dân sự đạt hiệu quả, tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

❖ Về cơ chế quản lý công tác THA

Tăng cường công tác hướng dẫn chỉ đạo chuyên môn. Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác THA dân sự, đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng. Tăng cường cơ sở vật chất, mở lớp bồi dưỡng cán bộ để nâng cao trình độ cán bộ, công chức của ngành.

Xây dựng quy chế thi đua - khen thưởng. Đồng thời thẳng thắn kiểm điểm các cá nhân yếu kém nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập, tình trạng phân tán trong hoạt động THA đã đề cập trong phần trên.

Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những trường hợp cán bộ, công chức trong ngành vi phạm pháp luật, đặc biệt là các vụ việc liên quan đến tham nhũng, sách nhiễu đương sự.

❖ Về xây dựng pháp luật

Trong thời gian tới, luật THA dân sự sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Tuy nhiên vẫn chưa khắc phục được những vướng mắc cơ bản của việc áp dụng BPCCTHA dân sự.

Do đó, để nâng cao hiệu quả của việc áp dụng BPCCTH trước hết chúng ta cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về THA dân sự nói chung và các quy định của pháp luật về BPCCTH nói riêng như: xây dựng, ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật để khắc phục những thiếu sót của luật. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm tăng tốc, đẩy mạnh toàn diện kết quả hoạt động của các văn phòng Thừa phát lại trên phạm vi toàn quốc. Song song với đó, Quốc hội cũng cần có những sự điều chỉnh trong các lĩnh vực hình sự, đất đai, hành chính, dân sự... cho pháp luật thống nhất, tránh chông chéo để công tác THA được thuận lợi, mang lại quyền và lợi ích trên thực tế cho đương sự.

Đối với thẩm quyền của người có thẩm quyền THA, cần mở rộng thẩm quyền cho người có thẩm quyền THA bằng cách cho phép người có thẩm quyền THA yêu cầu Tòa án hủy bỏ giao dịch sau khi có bản án để ngăn chặn kịp thời việc tẩu tán tài sản khi áp dụng biện pháp kê biên. Mặt khác, cần quy kết trách nhiệm rõ ràng với người có thẩm quyền THA tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản để tránh sự tùy tiện của người có thẩm quyền THA.

Để các người có thẩm quyền THA có thể áp dụng các quy định của BPCCTH trờ vào thu nhập của người phải THA đạt hiệu quả, thì trên hết phải có quy định cụ thể về công tác phối hợp giữa cơ quan THA với chính quyền địa phương, đặc biệt là cơ quan công an cấp xã và chi cục thuế. Các cơ quan hữu quan có trách nhiệm theo dõi, cung cấp thông tin thu nhập khi người có thẩm quyền THA yêu cầu. Phải đưa nhiệm vụ này vào nhiệm vụ chung để thực hiện trong quá trình phối hợp với người có thẩm quyền THA. Chỉ khi có sự đồng lòng, quyết tâm như vậy thì việc thực hiện BPCCTH THA dân sự nói riêng và công tác THA dân sự nói chung trong thực tế mới đạt hiệu quả cao.

Ngoài ra, cần thắt chặt hơn nữa các chế tài đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc từ chối phối hợp thực hiện yêu cầu của cơ quan THA dân sự như: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thiết lập nên các quy chế, chế định, chế tài để xử lý các hành vi làm cản trở đến công tác thực thi pháp luật THA dân sự.

❖ *Một số ý kiến khác*

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong việc áp dụng BPCCTH THA dân sự trong đó cơ quan THA dân sự là chủ đạo, các cơ quan khác hỗ trợ tối đa, tạo điều kiện tốt nhất cho việc THA.

Tăng cường công tác giáo dục thuyết phục, kiên quyết áp dụng BPCC khi giáo dục, thuyết phục không hiệu quả; Tăng cường công tác tuyên truyền trước, trong và sau khi cưỡng chế để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân kết hợp với giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật về THA dân sự của các đối tượng phải THA khác.

Gắn kết trách nhiệm của các ngành trong THA dân sự. Ví dụ: đưa bảo hiểm xã hội, ngân hàng, kho bạc... vào là thành viên ban chỉ đạo THA, ban hành quy chế phối hợp, tăng cường vai trò của ban chỉ đạo THA.

Từ việc nghiên cứu các BPCC trong thực tiễn đã chỉ ra nhiều bất cập mà nếu tiếp diễn thì sẽ để lại những hậu quả khôn lường cho xã hội. Vì vậy, cần mau chóng hoàn thiện về mặt pháp luật cộng với sự đổi mới về tổ chức hoạt động một cách hợp lý và tạo được cơ chế phối hợp giữa các ban ngành là cơ sở cho sự hoàn thiện về THA dân sự nói chung, BPCC nói riêng.

KẾT LUẬN

Hiện nay, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi sự tôn trọng pháp luật từ mọi chủ thể, ngược lại quyền và lợi ích của mọi cá nhân, tổ chức cần phải được bảo vệ tối đa bằng pháp luật. Khi quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết, hoạt động xét xử phải kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Đồng thời, các phán quyết của Tòa án phải được thi hành nghiêm chỉnh, triệt để, kịp thời mới bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Công tác THA dân sự nói chung và các BPCCTH A dân sự nói riêng cũng chỉ nhằm mục đích chung nói trên. Hiệu quả của việc cưỡng chế là cơ sở, tiền đề cho sự thành công của một vụ THA dân sự khi đương sự không tự nguyện thi hành. Song qua nghiên cứu về vấn đề này, có thể thấy rằng trong quá trình áp dụng BPCCTH A dân sự để THA gặp rất nhiều khó khăn, nhiều nguyên nhân khác nhau gây cản trở cho việc cưỡng chế. Cụ thể như: cơ chế quản lý, hoạt động THA dân sự còn chồng chéo, sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong việc cưỡng chế còn chưa tốt, các quy định của pháp luật về BPCCTH A dân sự chưa chặt chẽ, còn có thiếu sót. Nhưng dù nguyên nhân nào đi nữa thì thực tế là quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đang không được đảm bảo trong quá trình THA.

Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng: cần đổi mới cơ chế quản lý hoạt động THA dân sự; Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong tổ chức cưỡng chế THA dân sự. Về mặt pháp luật, nên hoàn thiện hệ thống pháp luật về THA dân sự nhất là quy định của pháp luật về BPCCTH A dân sự. Ngoài ra, chúng ta phải tăng cường năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ người có thẩm quyền THA; Tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật về THA dân sự để các đương sự tự nguyện thỏa thuận thi hành và cơ quan THA dân sự có thể tranh thủ được sự giúp đỡ, phối hợp của cá nhân, tổ chức hữu quan trong suốt quá trình THA.

Tóm lại, thực tiễn việc áp dụng BPCCTH A dân sự rất phức tạp mà bản thân nó lại có vai trò và ý nghĩa rất lớn đối với công tác THA dân sự hiện nay. Từ đó cần có sự nhận thức một cách đúng đắn về những thành quả đạt được và những vấn đề vướng mắc còn tồn tại để có giải pháp khắc phục, đồng thời hoàn thiện về mặt pháp luật về THA dân sự nói chung và, BPCCTH A dân sự nói riêng góp phần vào công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.